

Số: 01/TTr-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP TM&ĐT Việt Khánh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh,

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/5/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA kiểm toán.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.



Cáp Hồng Nguyên



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ AFA
AFA AUDIT AND APPRAISAL COMPANY LIMITED

142 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@afac.com.vn | Web: www.afac.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
VÀ ĐẦU TƯ VIỆT KHÁNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT KHÁNH

11A Lê Đại Hành, Phường Phước Tiến, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cáp Hồng Nguyên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Hương Dung	Thành viên
Bà Vũ Bảo Ngân	Thành viên
Bà Châu Thị Kim Loan	Thành viên
Ông Cao Thành Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Việt Phương	Trưởng ban
Bà Lê Xuân Hằng	Thành viên
Ông Trần Ngọc Quang	Thành viên

Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cao Thành Hưng	Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Cao Thành Hưng
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Số: 136/2019/BCKT-AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT KHÁNH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/04/2019 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1380-2018-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 04 năm 2019

A blue ink signature of Nguyễn Hà Định.

Nguyễn Hà Định
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2883-2019-240-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.464.566.876	51.861.509.964
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.153.886.481	7.932.561.359
1. Tiền	111	4.1	7.153.886.481	1.932.561.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.400.000.000	15.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	3.400.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.391.853.327	13.777.296.778
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.355.340.540	1.066.731.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	208.813.537	4.168.406.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	2.520.000.000	5.180.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	307.699.250	3.362.158.733
IV. Hàng tồn kho	140		1.043.728.628	5.392.435.514
1. Hàng tồn kho	141	4.7	1.043.728.628	5.392.435.514
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.475.098.440	9.759.216.313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	747.812.419	610.449.832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.010.788.596	8.441.779.077
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	716.497.425	706.987.404
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.057.256.996	213.850.697.794
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.170.000.000	4.170.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.5	4.170.000.000	4.170.000.000
II. Tài sản cố định	220		50.268.348.378	35.731.202.643
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	44.160.797.778	29.623.652.043
Nguyên giá	222		53.382.299.889	35.309.438.490
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.221.502.111)	(5.685.786.447)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	6.107.550.600	6.107.550.600
Nguyên giá	228		6.137.550.600	6.137.550.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.12	66.635.322.586	71.340.170.926
1. Nguyên giá	231		78.362.028.764	77.404.971.915
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.726.706.178)	(6.064.800.989)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.903.636.363	1.230.652.545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.13	11.903.636.363	1.230.652.545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.14	96.367.682.678	100.308.165.228
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.260.000.000	25.260.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.834.099.840	37.834.099.840
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		42.419.620.000	42.183.140.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.146.037.162)	(4.969.074.612)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		712.266.991	1.070.506.452
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	712.266.991	1.070.506.452
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		258.521.823.872	265.712.207.758

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.306.836.416	32.988.108.543
I. Nợ ngắn hạn	310		8.106.836.416	32.988.108.543
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.15	6.245.643.499	2.123.876.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.16	5.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	43.511.500	22.800.933
4. Phải trả người lao động	314		543.269.762	68.281.239
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	394.653.349	14.134.361.954
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	-	13.200.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	-	3.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		874.758.306	438.788.136
II. Nợ dài hạn	330		13.200.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.18	13.200.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.214.987.456	232.724.099.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	237.214.987.456	232.724.099.215
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.000.000.000	230.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.000.000.000	230.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.214.987.456	2.724.099.215
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		9.099.215	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.205.888.241	2.724.099.215
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		258.521.823.872	265.712.207.758



Cao Thành Hưng
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập

Lê Thị Hồng Luận
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	271.916.517.582	232.901.363.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		271.916.517.582	232.901.363.505
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	263.958.964.763	227.107.242.679
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.957.552.819	5.794.120.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.452.192.621	5.304.739.437
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.252.931.302	2.517.879.885
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		52.059.914	3.965.753
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	1.432.057.688	1.073.378.947
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	1.293.509.036	1.006.072.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.431.247.414	6.501.528.650
11. Thu nhập khác	31	5.7	3.661.011.215	3.177.718.254
12. Chi phí khác	32	5.8	725.880.409	6.715.802.313
13. Lợi nhuận khác	40		2.935.130.806	(3.538.084.059)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.366.378.220	2.963.444.591
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.160.489.979	239.345.376
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.205.888.241	2.724.099.215



Phê duyệt

Cao Thành Hưng
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập

Lê Thị Hồng Luận
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.366.378.220	2.963.444.591
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.935.372.531	9.365.871.019
Các khoản dự phòng	03		4.176.962.550	2.510.549.412
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.556.054.846)	(5.304.739.437)
Chi phí lãi vay	06		52.059.914	3.965.753
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		17.974.718.369	9.539.091.338
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(255.221.268)	3.158.506.938
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.348.706.886	(2.616.906.881)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.818.512.514)	(859.169.557)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		220.876.874	(1.279.231.098)
Tiền lãi vay đã trả	14		(53.559.914)	(2.465.753)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.170.000.000)	(2.100.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		779.130.000	686.740.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(643.159.830)	(755.131.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.382.978.603	5.771.433.123
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.052.837.195)	(14.743.274.927)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		463.885.093	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(69.900.000.000)	(24.350.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		84.160.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(236.480.000)	(15.460.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.818.778.621	6.306.364.659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.746.653.481)	(48.246.910.268)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	6.718.250.000	6.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(9.718.250.000)	(3.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(2.415.000.000)	(22.810.359.526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.415.000.000)	(19.810.359.526)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(778.674.878)	(62.285.836.671)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.932.561.359	70.218.398.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		7.153.886.481	7.932.561.359



Phê duyệt

Cao Thành Hưng
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập

Lê Thị Hồng Luận
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201229580 ngày 13 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp. Kể từ ngày thành lập đến nay công ty đã 03 lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28 tháng 09 năm 2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 230.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công đoàn Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Việt Nam	78.124.160.000	33,97	78.124.160.000	33,97
Công đoàn Xí nghiệp may Khatoco	Việt Nam	25.920.100.000	11,27	25.920.100.000	11,27
Công đoàn Văn phòng Tổng công ty Khánh Việt	Việt Nam	26.883.270.000	11,69	26.883.270.000	11,69
Công đoàn Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Việt Nam	25.000.000.000	10,87	25.000.000.000	10,87
Công đoàn Công ty TNHH Một thành viên In Bao bì Khatoco	Việt Nam	17.078.720.000	7,43	17.078.720.000	7,43
Các cổ đông khác		56.993.750.000	24,77	56.993.750.000	24,77
Cộng		230.000.000.000	100%	230.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 11A Lê Đại Hành, Phường Phước Tiến, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 66 người (31/12/2017: 48 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đầu (mua bán giấy in bao bì các loại, giấy làm tập vở học sinh, giấy photocopy);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- In ấn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Sản xuất giày dép;
- May trang phục (trừ trang phục từ lông da thú);
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	Lô A14 – A15 CCN Diên Phú, Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Khánh An	Khu mặt đường tàu cũ, Khối Yên Giang, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%
Các công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Đồng Á	18 Nguyễn Xiển, Phường Vĩnh Hải, TP.Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam	22,00%	22,00%	22,00%
Công ty Cổ phần Du lịch Khánh Tâm	22A-B Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam	20,00%	20,00%	20,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và TT200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2018</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 11A Lê Đại Hành, Phường Phước Tiến, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Tài sản cố định vô hình: Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 12 – 15 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa BĐSĐT với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa,...

Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời gian hợp đồng;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán; là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay: được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định, chi phí thiệt hại bảo: được xác định theo hợp đồng, tạm tăng bất động sản đầu tư: được xác định theo hợp đồng.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu; Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, các chi phí khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng)...

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	3.142.989.982	1.224.962.072
Tiền gửi ngân hàng	4.010.896.499	707.599.287
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	6.000.000.000
Cộng	7.153.886.481	7.932.561.359

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Dài hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	3.400.000.000	3.400.000.000	-	-
Cộng	3.400.000.000	3.400.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	485.106.600	174.476.452
Công ty Cổ phần T.D	302.518.827	235.697.692
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	43.500.000	130.600.000
Công ty Cổ phần Khatoco - Liberty	226.127.220	213.772.460
Công ty TNHH Pegas Việt Nam - CN Khánh Hòa	222.469.500	-
Các đối tượng khác	1.075.618.393	312.184.741
Cộng	2.355.340.540	1.066.731.345

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Khatoco	-	2.625.545.200
Công ty Cổ phần xây dựng Khánh Hòa	-	902.482.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật tự động Quang Diệp	78.963.362	-
Công ty TNHH TMDV & SX Tân Tiến Thành	129.850.175	-
Các đối tượng khác	-	640.379.500
Cộng	208.813.537	4.168.406.700

4.5. Phải thu về cho vay

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn	-	-
Công ty CP Dệt Tân Tiến	1.020.000.000	1.700.000.000
Công ty CP Du lịch Long Phú	-	3.480.000.000
Phải thu về cho các bên liên quan - Xem thêm 7	1.500.000.000	-
Cộng	2.520.000.000	5.180.000.000
Dài hạn	-	-
Công ty CP Dệt Tân Tiến	1.620.000.000	1.620.000.000
Công ty CP Du lịch Long Phú	2.550.000.000	2.550.000.000
Cộng	4.170.000.000	4.170.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	261.495.000	-	628.081.000	-
Ký quỹ, ký cược	3.000.000	-	2.703.000.000	-
Tạm ứng	6.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	37.204.250	-	31.077.733	-
Cộng	307.699.250	-	3.362.158.733	-

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	81.320.578	-	65.923.405	-
Hàng hóa	962.408.050	-	5.326.512.109	-
Cộng	1.043.728.628	-	5.392.435.514	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Tiền thuê lại quyền sử dụng đất	351.789.055	351.789.166
Phí bảo hiểm xe, sử dụng đường bộ	89.892.180	120.674.280
Phí bảo hiểm rủi ro tài sản	166.224.356	-
Chi phí khác	139.906.828	137.986.386
Cộng	747.812.419	610.449.832
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	130.788.721	295.806.813
Chi phí sửa chữa	581.478.270	774.699.639
Cộng	712.266.991	1.070.506.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018		Trong năm		Tại ngày 31/12/2018	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT			27.243.513.789	27.243.513.789	-	-
Thuế thu nhập cá nhân		22.800.933	91.870.200	71.159.633	-	43.511.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	706.987.404	-	1.160.489.979	1.170.000.000	716.497.425	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	706.987.404	22.800.933	28.498.873.968	28.487.673.422	716.497.425	43.511.500

4.10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	2.560.665.786	25.967.383.795	6.781.388.909	35.309.438.490
Mua trong năm	354.000.000	14.560.193.964	2.625.646.181	17.539.840.145
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.864.253.994	-	1.864.253.994
Giảm khác trong năm	-	(233.458.194)	-	(233.458.194)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.097.774.546)	(1.097.774.546)
Tại ngày 31/12/2018	2.914.665.786	42.158.373.559	8.309.260.544	53.382.299.889
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2018	239.507.891	3.016.235.506	2.430.043.050	5.685.786.447
Khấu hao trong năm	151.207.182	3.208.804.417	913.455.743	4.273.467.342
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(737.751.678)	(737.751.678)
Tại ngày 31/12/2018	390.715.073	6.225.039.923	2.605.747.115	9.221.502.111
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	2.321.157.895	22.951.148.289	4.351.345.859	29.623.652.043
Tại ngày 31/12/2018	2.523.950.713	35.933.333.636	5.703.513.429	44.160.797.778

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 602.488.182 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	6.107.550.600	30.000.000	6.137.550.600
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	6.107.550.600	30.000.000	6.137.550.600
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	-	30.000.000	30.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	6.107.550.600	-	6.107.550.600
Tại ngày 31/12/2018	6.107.550.600	-	6.107.550.600

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 30.000.000 đồng.

4.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá:				
Nhà	77.404.971.915	1.231.572.188	274.515.339	78.362.028.764
Cộng	77.404.971.915	1.231.572.188	274.515.339	78.362.028.764
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	6.064.800.989	5.661.905.189	-	11.726.706.178
Cộng	6.064.800.989	5.661.905.189		11.726.706.178
Giá trị còn lại:				
Nhà	71.340.170.926			66.635.322.586
Cộng	71.340.170.926			66.635.322.586

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư cuối năm để khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	-	1.230.652.545
Hệ thống máy giặt ép sấy liên hoàn	11.903.636.363	-
Cộng	11.903.636.363	1.230.652.545

(*) Giá trị chi phí sửa chữa kết hợp với nâng cấp tài sản bị thiệt hại do ảnh hưởng của cơn bão số 12.

4.14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	20.060.000.000	1.257.963.470	20.060.000.000	2.321.829.161
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Khánh An	5.200.000.000	-	5.200.000.000	-
Cộng	25.260.000.000	1.257.963.470	25.260.000.000	2.321.829.161
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Đông Á	5.034.099.840	-	5.034.099.840	-
Công ty CP Du lịch Khánh Tâm	32.800.000.000	7.593.796.190	32.800.000.000	2.638.223.309
Cộng	37.834.099.840	7.593.796.190	37.834.099.840	2.638.223.309
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Đầu tư Khánh Hòa	14.250.000.000	294.277.501	14.250.000.000	9.022.142
Công ty CP Giấy Rạng Đông	4.375.000.000	-	4.375.000.000	-
Công ty CP Khatoco - Liberty	14.236.480.000	-	14.000.000.000	-
Công ty CP In bao bì Khatoco	9.558.140.000	-	9.558.140.000	-
Cộng	42.419.620.000	294.277.501	42.183.140.000	9.022.142

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	1.699.999.999	1.699.999.999	1.905.300.000	1.905.300.000
Công ty TNHH Bách Khoa Quốc Gia	661.944.910	661.944.910	-	-
Công ty Cổ phần thương mại PAN	3.606.700.000	3.606.700.000	-	-
Các đối tượng khác	210.743.750	210.743.750	160.149.800	160.149.800
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	66.254.840	66.254.840	58.426.481	58.426.481
Cộng	6.245.643.499	6.245.643.499	2.123.876.281	2.123.876.281

4.16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Thương mại & dịch vụ VT Trung Hải	5.000.000	-
Cộng	5.000.000	-

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Lãi vay phải trả	-	1.500.000
Tạm tăng bất động sản đầu tư	-	9.576.547.637
Chi phí sửa chữa thiệt hại bảo tạm tính theo hợp đồng	-	4.556.314.317
Chi phí giám sát công trình XN May	295.909.195	-
Chi phí hóa chất giặt ủi	98.744.154	-
Cộng	394.653.349	14.134.361.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	-	13.200.000.000
Cộng	-	13.200.000.000
Dài hạn:		
Nhận ký cược, ký quỹ	13.200.000.000	-
Cộng	13.200.000.000	-

4.19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa	-	-	6.718.250.000	9.718.250.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	-	-	6.718.250.000	9.718.250.000	3.000.000.000	3.000.000.000

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	230.000.000.000	23.204.359.526	253.204.359.526
Lãi trong năm nay	-	2.724.099.215	2.724.099.215
Chia cổ tức (*)	-	(22.810.359.526)	(22.810.359.526)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(394.000.000)	(394.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	230.000.000.000	2.724.099.215	232.724.099.215
Lãi trong năm nay	-	7.205.888.241	7.205.888.241
Chia cổ tức (*)	-	(2.415.000.000)	(2.415.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	230.000.000.000	7.214.987.456	237.214.987.456

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công đoàn Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	78.124.160.000	78.124.160.000
Công đoàn Xí nghiệp may Khatoco	25.920.100.000	25.920.100.000
Công đoàn Văn phòng Tổng công ty Khánh Việt	26.883.270.000	26.883.270.000
Công đoàn Công ty TNHH Thương mại Khatoco	25.000.000.000	25.000.000.000
Công đoàn Công ty TNHH Một thành viên In Bao bì Khatoco	17.078.720.000	17.078.720.000
Các cổ đông khác	56.993.750.000	56.993.750.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	230.000.000.000	230.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	230.000.000.000	230.000.000.000

4.20.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	241.315.592.396	211.592.107.984
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.600.925.186	21.309.255.521
Cộng	271.916.517.582	232.901.363.505
Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.812.277.500	-

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa	239.368.411.432	209.745.213.935
Giá vốn cung cấp dịch vụ	24.590.553.331	17.362.028.744
Cộng	263.958.964.763	227.107.242.679
Trong đó, giá vốn đối với bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.105.340.053	292.381.190

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.556.764.873	3.355.789.437
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.895.427.748	1.948.950.000
Cộng	4.452.192.621	5.304.739.437

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	52.059.914	3.965.753
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	4.176.962.550	2.510.549.412
Chi phí khác	23.908.838	3.364.720
Cộng	4.252.931.302	2.517.879.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.002.481.861	659.516.294
Chi phí vật liệu, dụng cụ	6.200.863	14.391.591
Chi phí khấu hao TSCĐ	89.263.994	88.417.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.044.661	261.414.981
Chi phí bằng tiền khác	28.066.309	49.638.910
Cộng	1.432.057.688	1.073.378.947

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	825.610.302	723.824.462
Chi phí vật liệu, dụng cụ	37.442.993	37.214.449
Chi phí khấu hao TSCĐ	188.403.528	87.782.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.319.213	141.200.260
Chi phí khác bằng tiền	17.733.000	16.051.198
Cộng	1.293.509.036	1.006.072.781

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý TSCĐ	103.862.225	-
Bảo hiểm bồi thường thiệt hại bảo	3.555.279.010	3.166.418.254
Thu nhập khác	1.869.980	11.300.000
Cộng	3.661.011.215	3.177.718.254

5.8. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao HĐQT và BKS	117.480.000	117.480.000
Chi phí khác	1.400.000	-
Chi phí thiệt hại bảo tạm tính	-	6.598.322.313
Chi phí thiệt hại bảo tăng thêm	607.000.409	-
Cộng	725.880.409	6.715.802.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.366.378.220	2.963.444.591
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	331.499.426	182.232.289
- <i>Thu lao HĐQT không chuyên trách</i>	117.480.000	117.480.000
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	214.019.426	64.752.289
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	2.895.427.748	1.948.950.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	2.895.427.748	1.948.950.000
Tổng thu nhập chịu thuế	5.802.449.898	1.196.726.880
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.160.489.979	239.345.376

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.704.403.870	2.353.205.907
Chi phí nhân công	6.642.327.315	3.915.731.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.935.372.531	9.365.871.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.236.701.907	3.206.975.524
Chi phí khác bằng tiền	2.797.314.432	599.696.866
Cộng	27.316.120.055	19.441.480.472

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.718.250.000	6.000.000.000
Cộng	6.718.250.000	6.000.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	9.718.250.000	3.000.000.000
Cộng	9.718.250.000	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Việt Khánh Phú	Công ty con
2. Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Khánh An	Công ty con
3. Công ty CP Du lịch Khánh Tâm	Công ty liên kết
4. Công ty CP Đông Á	Công ty liên kết
5. HĐQT và Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải trả người bán Công ty TNHH Việt Khánh Phú	66.254.840	58.426.481
Cộng - Xem thêm mục 4.15	66.254.840	58.426.481

	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải thu về cho vay Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Khánh An	1.500.000.000	-
Cộng - Xem thêm 4.5	1.500.000.000	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Công ty TNHH Việt Khánh Phú		
Thuê xưởng giặt là - hợp tác kinh doanh - Xem thêm mục 5.2	240.000.000	240.000.000
Chi phí điện nước giặt là - Xem thêm mục 5.2	859.156.417	52.381.190
Thuê bể nước - Xem thêm mục 5.2	18.000.000	-
Cho vay	1.000.000.000	-
Thu lãi cho vay	625.000	-
Nhận trả tiền cho vay	1.000.000.000	-
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Khánh An		
Cho vay	1.500.000.000	-
Cổ tức được chia	1.039.447.748	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Du lịch Khánh Tâm		
Cung cấp dịch vụ giặt ủi - Xem thêm mục 5.1	1.812.277.500	-

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty CP Đông Á		
Cổ tức được chia	554.400.000	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	83.160.000	83.160.000
Thu nhập của Giám đốc và thành viên chủ chốt	437.462.000	430.104.000
Cộng	520.622.000	513.264.000

8. THU LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Ban kiểm soát	34.320.000	34.320.000
Cộng	34.320.000	34.320.000

9. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**Phê duyệt****Cao Thành Hưng**
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập**Lê Thị Hồng Luận**
Kế toán trưởng